

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số 31/2018/DS-ST
Ngày 27/9/2018
V/v: “Tranh chấp hợp
 đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **ĐỖ KHÁNH HÀ**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **TRẦN THỊ HIẾN**

Ông **NGUYỄN CHUNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ VÂN** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-DS ngày 07/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Hải U'** - sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn D** và bà **Huỳnh Xuân P**

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, Khánh Hòa.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Hải U' trình bày:

Ngày 05/12/2016, vợ chồng ông Phạm Văn D, bà Huỳnh Xuân P có ký giấy bán mía (đám/tân) cho tôi. Theo nội dung giấy bán mía thì ông D, bà P sẽ bán cho tôi 80 tấn mía, giá tiền 820.000đ/tân, thành tiền là 65.600.000đ, thời hạn giao mía là khi thu hoạch mía vụ 2016 – 2017, tôi đã giao cho ông D và bà P đủ số tiền mua mía là 65.600.000đ. Trong năm 2017, ông D, bà P chỉ giao cho tôi 36,951 tấn mía với số tiền là 30.299.820đ, còn nợ lại 43,049 tấn mía với số tiền là 35.300.180đ. Tôi đã nhiều lần yêu cầu ông D, bà P giao đủ số mía còn thiếu, nếu không giao mía thì trả số tiền này cho tôi. Ông D, bà P hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không giao đủ mía cũng như trả tiền cho tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn D và bà Huỳnh Xuân P trả cho tôi số tiền mua mía còn thiếu là 35.300.180đ và tiền lãi là 10.590.000đ [tiền gốc 35.300.180đ x lãi suất 1.5% x 20 tháng (từ tháng 12/2016 đến tháng 8/2018)]. Tổng cộng cả gốc và lãi là 45.890.180đ, yêu cầu trả một lần.

Tại bản tự khai ngày 22/5/2018, bị đơn bà Huỳnh Xuân P trình bày: Ngày 05/12/2016, vợ chồng bà là Phạm Văn D và Huỳnh Xuân P có ký giấy bán cho ông Đỗ Hải Ư 80 tấn mía, giá tiền 820.000đ/tấn, thành tiền là 65.600.000đ, thời hạn giao mía là khi thu hoạch mía vụ 2016 – 2017, ông Ư đã giao cho vợ chồng tôi đủ số tiền mua mía là 65.600.000đ. Trong vụ mía 2016 – 2017, do sản lượng mía không đạt nên vợ chồng bà chỉ giao cho ông Ư 36,951 tấn mía với số tiền là 30.299.820đ, còn nợ lại 43,049 tấn mía, thành tiền là 35.300.180đ. Bà xác nhận hiện nay vợ chồng bà còn nợ của ông Ư số tiền 35.300.180đ. Bà đồng ý trả số tiền này cho ông Ư nhưng xin trả vào ngày 15/6/2019. Đối với yêu cầu trả tiền lãi của ông Ư thì bà không đồng ý.

Bị đơn ông Phạm Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D không đến Tòa, do đó, ông D không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng: Ông Đỗ Hải Ư khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn D và bà Huỳnh Xuân P trả số tiền còn thiếu theo hợp đồng mua bán mía ngày 05/12/2016. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Văn D và bà Huỳnh Xuân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông D và bà P.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 05/12/2016, ông Đỗ Hải Ư với ông Phạm Văn D, bà Huỳnh Xuân P ký kết hợp đồng mua bán mía. Các bên có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng mua bán mía ngày 05/12/2016 giữa ông Đỗ Hải Ư với ông Phạm Văn D, bà Huỳnh Xuân P là hợp pháp.

Ông Đỗ Hải Ư đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên mua là giao cho bên bán ông D, bà P số tiền mua mía theo hợp đồng là 65.600.000đ, bà P cũng thừa nhận vợ chồng bà đã nhận đủ số tiền này. Tuy nhiên, ông D và bà P đã vi phạm nghĩa vụ của bên bán là giao không đủ số lượng tài sản. Cụ thể, ông D và bà P chỉ giao cho ông Ư 36,951 tấn mía với số tiền là 30.299.820đ, còn nợ lại 43,049 tấn mía, thành tiền là 35.300.180đ. Bà P xác nhận hiện nay còn nợ của ông Ư số tiền 35.300.180đ và đồng ý trả số tiền này

cho ông U nhưng xin trả vào ngày 15/6/2019. Việc ông D, bà P vi phạm nghĩa vụ của bên bán trong hợp đồng mua bán đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên mua ông U. Đồng thời, các bên không có thỏa thuận về việc cho trả dần số tiền còn thiếu. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông U về việc yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà P trả số tiền 35.300.180đ là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả lãi trên số tiền gốc là 35.300.180đ, lãi suất 1.5% x 20 tháng (từ tháng 12/2016 đến tháng 8/2018) là 10.590.000đ. Xét thấy, các bên không có biên bản đối chiếu công nợ, không thỏa thuận ngày phải trả số tiền 35.300.180đ và việc trả tiền lãi. Bị đơn bà P cũng không đồng ý trả tiền lãi. Do đó, ông U yêu cầu ông D, bà P trả tiền lãi là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Phạm Văn D và bà Huỳnh Xuân P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Cụ thể: $35.300.180đ \times 5\% = 1.765.000đ$.

Nguyên đơn ông Đỗ Hải U phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Cụ thể: $10.590.000đ \times 5\% = 529.500đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 430, Điều 437 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hải U. Buộc ông Phạm Văn D và bà Huỳnh Xuân P phải trả cho ông Đỗ Hải U số tiền 35.300.180đ.

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Về án phí: Ông Phạm Văn D và bà Huỳnh Xuân P phải nộp 1.765.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Hải U phải nộp 529.500đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.094.000đ ông U đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003860 ngày

07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Hoàn trả cho ông Đỗ Hải U' 564.500đ

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu: Ấn văn, Hồ sơ vụ án.

Đỗ Khánh Hà